

Bản án số: 141/2025/HS-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thuỳ Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiên

Bà Nguyễn Thị Mây

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thống – Thư ký Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Quyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 564/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Thành T** – sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A đường T, khu phố F, phường G, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi L, sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1970; Vợ: Nguyễn Thị Hồng N1 và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/01/2025; có mặt tại phiên toà.

2. **Võ Thành L1** – sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số B đường T, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn K (đã chết) và bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Tại Bản án số 17/2015/HSST ngày 24/3/2015, Toà án nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và phải nộp phạt số tiền 10.000.000đồng cùng 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 19/3/2017 chấp hành xong hình phạt tù; ngày

16/6/2015 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm; ngày 05/3/2019 nộp số tiền phạt 1.800.000đồng và lãi suất chậm thi hành án; ngày 09/5/2025 chấp hành xong số tiền phạt 8.200.000đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Tiền sự: Ngày 28/9/2024, Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 400.000đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng (theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0017084/QĐ-XPHC), đã nộp phạt xong.

Nhân thân: Tại Bản án số 20/2011/HSST ngày 20/01/2011, Toà án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2011; chưa chấp hành khoản tiền án phí do Chi cục Thi hành án dân sự Quận Gò Vấp chưa thụ lý do chưa được Toà án chuyển giao Bản án.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

3. **Lê Văn Trí D** – sinh năm: 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 401 lầu 04 lô A, chung cư G B đường N, phường D, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Q (đã chết) và bà Đặng Thị Q1, sinh năm: 1948; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Quyết định số 469/QĐ-XPHC ngày 18/5/2007 của Ủy ban nhân dân Quận P đã quyết định đưa Lê Văn Trí D vào Trường G1 với thời hạn 24 tháng; chấp hành xong ngày 20/01/2009.

- Tại Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố H đã quyết định đưa Lê Văn Trí D vào trường giáo dục với thời hạn 24; chấp hành xong ngày 14/01/2013.

- Tại Bản án số 473/2016/HSST ngày 29/9/2016, Toà án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” ; chấp hành xong hình phạt tù và án phí hình sự ngày 04/4/2017.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

4. **Trần Minh T1** – sinh năm: 1992 tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký thường trú: Số A đường L, phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1968; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Thành L1*: Ông Võ Đức Duy H - Luật sư Văn phòng L4 - Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T1*: Ông Lại Huy T3 - Luật sư Công ty L5 - Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Minh M1, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số I đường B, khu phố G, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Anh Bùi Thành L3, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số A đường T, khu phố F, phường G, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Đào Đức N2, sinh năm: 2001; địa chỉ: Số D đường N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân G, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số B N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 02/11/2024, sau khi hát karaoke tại quán K1 (địa chỉ số G đường N, khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xong, Trần Minh T1, Bùi Thành T, Lê Văn Trí D, Võ Thành L1, Bùi Thành L3, M2 và T4 (chưa rõ lai lịch) đã đặt xe Grab để đi về. Lúc này D đi sang đối diện quán K1 chờ đón xe; còn T, L1, T1, L3, M2 và T4 đứng bên lề đường cùng phía với quán K1 để chờ xe đến. Trong khi đang chờ xe thì Nguyễn Minh M1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển số 59S2-388.39 chạy từ trong bãi xe của quán K1 ra đường, va quệt tay lái xe trúng vào người của T1 làm T1 ngã xuống đường. Khi thấy T1 bị ngã, Nguyễn Minh M1 đã điều khiển xe quay lại để xin lỗi thì T, D, L1, M2 và T4 (chưa rõ lai lịch) đã cùng nhau rượt đuổi đánh M1. Trong lúc đuổi đánh M1, T nhặt 01 mảnh bê tông ở lề đường trước quán K1, L1 nhặt 01 cục đá ở lề đường trước quán K1, M2 cầm 01 mảnh bê tông cùng đuổi theo M1. Thấy nhóm của T đuổi đánh, M1 khởi động xe mô tô bỏ chạy nhưng do xe không nổ máy nên M1 bỏ lại xe mô tô tại trước địa chỉ số G đường N, khu phố A, phường Đ, Quận A chạy bộ. D đang đứng bên kia đường thấy vậy cũng chạy bộ đuổi theo để đánh M1. Lúc này, T1 ngồi dậy thấy nhóm của T1 đuổi đánh M1 nên rượt đuổi theo để đánh M1 nhưng không kịp nên T1 lại gần nơi M1 để xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 59S2-388.39 dùng chân phải đạp ngã xe mô tô xuống đường. Sau đó, T, L1, D và M2 (chưa rõ lai lịch) đuổi đánh M1 không kịp nên quay lại vị trí nơi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 59S2-388.39 của M1 bị ngã. Lúc này, D nhặt 01 cục đá ở lề đường ném về phía xe mô tô của M1 nhưng không trúng, D tiếp tục đi lại gần nơi xe bị ngã nhặt 01 mảnh bê tông ném mạnh 01 cái trúng vào ốp sườn bên trái xe mô tô rồi đứng ở gần đó chửi mắng. Tính nhặt 01 cục đá ở lề đường cạnh xe mô tô ném mạnh 01 cái về phía xe mô tô nhưng không trúng. T cầm mảnh bê tông quay lại và ném xuống đường cạnh xe mô tô rồi lớn tiếng chửi mắng M1. Thấy vậy, T1 nhặt lấy mảnh bê tông do T ném xuống và ném mạnh 01 cái trúng vào ốp sườn bên trái xe mô tô của M1 rồi tiếp tục đứng chửi mắng, L1 và M2 cũng

quay lại, M2 ném mảnh bê tông về phía xe của M1 trúng vào ốp sườn bên trái của xe, L1 ném cục gạch xuống đường rồi cùng đứng chửi mắng M1. Đào Đức N2 là bạn đi hát karaoke cùng M1 thấy M1 bị đuổi đánh nên N2 chạy bộ đuổi theo nhóm của T thì Bùi Thành L3 can ngăn lại, Nguyễn Xuân G bạn cùng đi hát karaoke với M1 còn đang ở bên trong bãi giữ xe của quán K1 nên không biết, không tham gia và không chứng kiến việc nhóm T đuổi đánh M1.

Sau khi sự việc xảy ra ông Đồng Nguyễn Thiêng C là người dân sinh sống tại khu vực trên đến Công an phường Đ, Quận A trình báo.

Tại Công văn số 1348/UBND ngày 04/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A xác định, sự việc xảy ra ngày 02/11/2024 tại quán K1 địa chỉ số G đường N, phường Đ, Quận A đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm cho người dân sinh sống tại địa phương hoang mang, lo sợ; gây ảnh hưởng nghiêm trọng và trực tiếp đến đời sống người dân, làm cho cuộc sống người dân bất an, bị đảo lộn, hành vi của các đối tượng là manh động, coi thường pháp luật đề nghị các cơ quan chức năng xử lý các đối tượng có liên quan theo đúng quy định của pháp luật (BL77).

Vật chứng của vụ án:

- 02 mảnh bê tông hình dạng không xác định;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150, màu đỏ, biển số 59S2-388.39, số máy 59S238839, số khung 59S238839.
- 01 USB nhãn hiệu Toshiba có chứa hình ảnh liên quan vụ gây rối trật tự công cộng và hủy hoại tài sản xảy ra ngày 02/01/2024 nói trên.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A, kết luận: “Giá trị tài sản bị hư hỏng đối với phần nhựa dán áo bên trái màu đỏ của xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150, màu đỏ, biển số 59S2-388.39, trị giá 3.979.500đồng” (BL72, 73).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1, Trần Minh T1 và Lê Văn Trí D đều khai nhận hành vi phạm tội như trên. Gia đình bị cáo Trần Minh T1 giao nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện gia đình bị cáo T1 tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thêm cho bị hại Nguyễn Minh M1 5.000.000đồng (theo phiếu thu số 0062685 ngày 12/5/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự Quận A).

Công bố lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai như các bị cáo đã khai nhận. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã được bị cáo Bùi Thành T bồi thường số tiền 10.000.000đồng. Về trách nhiệm hình sự, anh Nguyễn Minh M1 đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số 121/CT-VKSQ12 ngày 12/3/2025, Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Lê Văn Trí D, Trần Minh T1 về tội “Gây rối trật tự công

cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 và tội “Huỷ hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 và 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thành T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Võ Thành L1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 đối với tội “Huỷ hoại tài sản”) Điều 51; các điều 17, 38, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Trí D từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho hai tội là 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho hai tội từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 02 mảng bê tông hình dạng không xác định.

+ Tiếp tục lưu trong hồ sơ 01 USB ghi nhận hình ảnh vụ gây rối trật tự công cộng và huỷ hoại tài sản nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thành L1 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Võ Thành L1: Nhất trí về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo Võ Thành L1 nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo L1, có cha mất sớm nên thiếu sự quan tâm, dạy dỗ của gia đình; bị cáo L1 phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do bị hại Nguyễn Minh M1 va quệt xe làm bạn bị cáo bị ngã, dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L1 được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm có cơ hội hoà nhập cộng đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T1 nhất trí về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã đề nghị nhưng do bị cáo T1 không sử dụng hung khí khi đuổi đánh anh M1 nên hành vi của bị cáo Trần Minh T1 chỉ vi phạm khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời tại phiên tòa, gia đình bị cáo T1 đã tự nguyện khắc phục, bồi thường thêm cho bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát Quận A.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp lời khai của người làm chứng; phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 02 giờ ngày 02/11/2024, Bùi Thành T, Võ Thành L1, Trần Minh T1, Lê Văn Trí D đã có hành vi la hét, chửi bới, đuổi đánh anh Nguyễn Minh M1 tại trước quán K1 (địa chỉ số G đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra, Trần Minh T1, Lê Văn Trí D còn có hành vi làm hư hỏng phần nhựa dàn áo bên trái xe mô tô mô tô Honda SH 150 trị giá 3.979.500đồng của anh Nguyễn Minh M1.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội, đến cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng và các hoạt động an toàn nơi công cộng nên các bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1, Trần Minh T1 và Lê Văn Trí D đã phạm vào tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Trần Minh T1, Lê Văn Trí D đã có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các bị cáo Trần Minh T1, Lê Văn Trí D bị Viện Kiểm sát truy tố về

tội “*Hủy hoại tài sản*” nhưng đối tượng mà các bị cáo nhằm tác động đến là chiếc xe mô tô của bị hại Nguyễn Minh M1, không phải nhằm tác động đến một bộ phận cụ thể nào của chiếc xe nêu trên. Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh T1, Lê Văn Trí D đã phạm vào tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự (Toà án đã có thông báo số 411a/2025/TB-TA ngày 14/4/2024 Bổ sung quyết định đưa vụ án ra xét xử về việc Toà án có thể xét xử bị cáo Trần Minh T1 và Lê Văn Trí D về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” cùng khung khoản và cùng điều luật mà Viện Kiểm sát đã truy tố).

[3] Xét tình tiết định khung hình phạt:

Đối với tội “*Gây rối trật tự công cộng*”: Mặc dù bị cáo Trần Minh T1 không sử dụng mảnh bê tông để đuổi đánh anh Nguyễn Minh M1 nhưng khi thấy các bị cáo khác trong vụ án dùng mảnh bê tông đuổi đánh anh M1, bị cáo T1 không can ngăn mà còn tiếp nhận ý chí của các bị cáo khác để đuổi, đánh anh M1 nên bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về việc sử dụng mảnh bê tông đuổi, đánh anh M1 của các bị cáo khác. Theo quy định của pháp luật, hành vi sử dụng mảnh bê tông là “*hung khí*” để đuổi đánh anh Nguyễn Minh M1 của các bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự “*Sử dụng hung khí*”. Việc tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T1 cho rằng hành vi của bị cáo Trần Minh T1 không vi phạm điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”: Trị giá tài sản bị hư hỏng của anh Nguyễn Minh M1 là 3.979.500đồng nên hành vi của các bị cáo Lê Văn Trí D, Trần Minh T1 đã vi phạm khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy tắc xử sự được đặt ra cho mỗi công dân ở nơi công cộng, xâm phạm đến tình hình ổn định trong sinh hoạt chung của xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu nên cần xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thành T, Trần Minh T1 nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Lê Văn Trí D có một tiền án đã được xoá nên các bị cáo Bùi Thành T, Trần Minh T1, Lê Văn Trí D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Theo quy định của pháp luật, việc bị cáo Võ Thành L1 chưa thi hành khoản tiền án phí hình sự của Bản án số 20/2011/HSST ngày 20/01/2011 của Toà án nhân dân Quận Gò Vấp do Chi cục Thi hành án dân sự Quận Gò Vấp chưa thụ lý bản án trên thì không được coi là đã được xoá án, tuy nhiên tại Bản án số 17/2015/HSST ngày 24/3/2015, Toà án nhân dân Quận Phú Nhuận đã xác định bị cáo đã được xoá án, đây là sự việc đã được giải quyết bởi bản án đã có hiệu lực

pháp luật và theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì phải xác định bị cáo Võ Thành L1 đã được xoá đối với tiền án tại Bản án số 20/2011/HSST. Đối với Bản án số 17/2015/HSST, đến ngày 09/5/2025, bị cáo Võ Thành L1 mới thực hiện xong các quyết định của Bản án, sau thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này nên theo quy định của pháp luật thì tiền án này chưa được xoá. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo Võ Thành L1 chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được anh Nguyễn Minh M1 có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

Bị cáo Bùi Thành T được chính quyền địa phương xác nhận có mẹ tham gia Hội liên hiệp phụ nữ của địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo T mặc dù không có hành vi huỷ hoại tài sản nhưng sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Minh M1 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ việc anh Nguyễn Minh M1 va quẹt xe với bị cáo Trần Minh T1, đây là chỉ là va chạm rất nhỏ trong đời sống sinh hoạt hàng ngày và anh M1 quay xe lại xin lỗi nhưng các bị cáo đã dùng mảnh bê tông rượt đuổi theo để đánh và chửi mắng anh M1 nên việc người bào chữa cho bị cáo Võ Thành L1 cho rằng bị cáo L1 phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận. Như phân tích ở mục [3], bị cáo Trần Minh T1 phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt đến 07 năm tù nên việc người bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

Ngoài ra, đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại phiên toà bị cáo Trần Minh T1 đã tác động gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho anh Nguyễn Minh M1 số tiền 5.000.000đồng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về phân hoá vai trò trong vụ án và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Đối với tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, các bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1, Trần Minh T1 và Lê Văn Trí D không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước, khi thấy Trần Minh T1 bị ngã xuống đường dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò các bị cáo T, L1, D là ngang nhau. Bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội sau khi thấy các bị cáo khác đuổi đánh anh M1 nên có vai trò thấp hơn các bị cáo khác. Các bị cáo cùng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo Võ Thành L1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên phải chịu mức hình phạt cao nhất đối với tội này. Bị cáo Lê Văn Trí D mặc dù không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu hơn các bị cáo T, T1 nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp

hơn bị cáo L1 nhưng cao hơn các bị cáo T, T1. Bị cáo T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng có vai trò cao hơn bị cáo T1 nên cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt thấp hơn bị cáo L1, D nhưng cao hơn bị cáo T1. Bị cáo T1 chưa có tiền án, tiền sự và có vai trò thấp nhất nên cần xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Đối với tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, bị cáo Trần Minh T1 cùng với Lê Văn Trí D có hành vi dùng mảnh bê tông đập, phá tài sản của anh Nguyễn Minh M1 nên Trần Minh T1 và Lê Văn Trí D có vai trò ngang nhau nhưng bị cáo T1 nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên xử phạt bị cáo mức án thấp hơn so với bị cáo D.

Các bị cáo Võ Thành L1, Lê Văn Trí D có nhân thân xấu; bị cáo Trần Minh T1 phạm liên hai tội nên cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc các bị cáo Trần Minh T1, Lê Văn Trí D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Bị cáo Bùi Thành T có nhân thân tốt; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (trong đó có 01 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự) và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo T được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Minh M1 đã được bị cáo Bùi Thành T tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền 10.000.000đồng; bị cáo T không yêu cầu các bị cáo khác phải hoàn trả khoản tiền này. Tuy nhiên, tại phiên toà, bị cáo Trần Minh T1 đã tác động gia đình bị cáo để tự nguyện bồi thường thêm cho anh Nguyễn Minh M1 số tiền 5.000.000đồng (đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự Quận A) nên chi trả số tiền 5.000.000đồng nói trên cho anh Nguyễn Minh M1.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150, màu đỏ, biển số 59S2-388.39, số máy 59S238839, số khung 59S238839, xe do ông Nguyễn Minh S đứng tên đăng ký. Ngày 14/12/2025 ông Nguyễn Minh S lập hợp đồng ủy quyền xe cho ông Nguyễn Tấn S1. Ngày 24/12/2015 ông Tấn S1 bán xe cho ông Bùi Văn T5 nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Tháng 01/2024 ông Bùi Văn T5 bán xe lại cho Nguyễn Minh M1 nhưng không làm hợp đồng mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã trả lại xe cho anh Nguyễn Minh M1.

- Đối với 02 mảnh bê tông hình dạng không xác định là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ 01 USB ghi nhận hình ảnh vụ gây rối trật tự công cộng và huỷ hoạt tài sản nêu trên.

[9] Về vấn đề khác:

Anh Nguyễn Minh M1 từ chối giám định thương tật, không yêu cầu xử lý hình sự đối với vết thương trên mắt trái do không xác định được nguyên nhân bị bầm mắt trái.

Bị cáo Trần Minh T1 từ chối giám định thương tật, không yêu cầu xử lý hình sự đối với vết thương ở mu bàn chân và cổ tay trái do Nguyễn Minh M1 gây ra khi va chạm xe.

Đối với các đối tượng tên T4 và tên M2 do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra điều tra, làm rõ để xử lý sau.

Đối với Bùi Thành L3 trong nhóm của T nhưng khi nhóm T rượt đuổi đánh M1, L3 ngăn cản, không tham gia; còn Đào Đức N2, Nguyễn Xuân G trong nhóm của M1 không tham gia nên Cơ quan điều tra Công an Q2 không xem xét, xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1, Trần Minh T1 và Lê Văn Trí D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Các bị cáo Lê Văn Trí D, Trần Minh T1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo: **Bùi Thành T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/5/2025).

Giao bị cáo Bùi Thành T cho Ủy ban nhân dân phường G2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: **Võ Thành L1** 03 (ba) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 08/11/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo: **Lê Văn Trí D** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Buộc bị cáo Lê Văn Trí D phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 08/11/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 đối với tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”) và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo: **Trần Minh T1** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” và 01 (một) năm tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Buộc bị cáo Trần Minh T1 phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 08/11/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Chi trả cho anh Nguyễn Minh M1 số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tại phiếu thu số 0062685 ngày 12/5/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự Quận A.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021

Tịch thu tiêu huỷ 02 mảng bê tông hình dạng không xác định.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 96/QĐ-VKS ngày 12/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Bùi Thành T, Võ Thành L1, Trần Minh T1, Lê Văn Trí D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo Bùi Thành T.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM (1);
- VKSND Tp . HCM (1);
- VKSND Quận 12 (2);
- Công an Tp . HCM – Tổ địa bàn Quận 12 (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Cơ quan điều tra Công an Tp . HCM (1);
- Chi cục THADS Quận 12 (1);
- Sở Tư pháp Tp . HCM (1);
- UBND và Công an phường nơi bị cáo cư trú (2);
- Bị cáo (1)
- Những người tham gia tố tụng khác (1);
- Bộ phận THA hình sự (4)
- Lưu hồ sơ, văn thư (8)

Đặng Thuỳ Trang